TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SĐ** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SĐ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thạo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Chung; ông Lã Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động *tham gia phiên toà:* Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1993; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn AH, xã TĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn S, xã TĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2022, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Đặng Thị Q trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Hoàng Xuân T, có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2012 tại UBND xã TĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc; năm 2021 vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh T ham mê cờ bạc, rượu chè không tu chí làm ăn, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi khiến cho tình cảm vợ chồng không có, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Ngọc Tình D, sinh ngày 20/4/2012, Hoàng Ngọc Tình Nh, sinh ngày 12/11/2013, hiện tại hai cháu đang ở với anh T. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Chứng cứ chị Q đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2012 ngày 07/5/2012, Giấy khai sinh của cháu Hoàng Ngọc Tình D, cháu Hoàng Ngọc Tình Nh.

Anh Hoàng Xuân T: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tnhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, không chấp hành giấy triệu tập, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh T.

Cháu Hoàng Ngọc Tình D và cháu Hoàng Ngọc Tình Nh đều trình bày: Nếu chị Q, anh Tly hôn hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Cho chị Đặng Thị Q ly hôn anh Hoàng Xuân T;

Về con chung: Giao anh Hoàng Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Hoàng Ngọc Tình D, giao cho chị Đặng Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Ngọc Tình Nh. Chị Q, anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Xuân T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q, anh T theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", anh Tđang cư trú tại Thôn S, xã TĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Tkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bồng Am (nay là xã Tuấn Đạo) ngày 21/01/2013. Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp, do vợ chồng mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2021, chị Q khởi kiện yeu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Q, Hội đồng xét xử thấy: Anh T đã được Tòa án thông báo việc chị Q khởi kiện nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh T do anh T không hợp tác. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự (một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh). Ngoài lời khai của chị Q, Tòa án đã xác minh bà Nguyễn Thị Minh Châm (mẹ đẻ anh T), xác minh tại UBND xã TĐ có đủ cơ sở khẳng định chị Q và anh T không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Q, anh Tđã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vị vậy cần chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của chị Q, cho chị Q ly hôn anh T là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Q và anh Tcó 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc Tình D, sinh ngày 20/4/2012 và cháu Hoàng Ngọc Tình Nh, sinh ngày 12/11/2013, hiện hai cháu đang ở cùng anh T. Chị Q đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Q có đủ điều kiện nuôi con, cháu D, cháu Nh đều có nguyện vọng được ở với chị Q, anh Tkhông phản đối yêu cầu của chị Q nên cần giao cho chị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định không có, anh T không cung cấp ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Hoàng Xuân T.

2. Về con chung: Giao chị Đặng Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Hoàng Ngọc Tình D, sinh ngày 20/4/2012 và

Hoàng Ngọc Tình Nh, sinh ngày 12/11/2013. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015436, ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động. Xác nhận chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện SĐ;
- UBND xã TĐ;
- Chi cụ thi hành án DS huyện SĐ;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thạo